TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 1976/2023/KDTM-ST
Ngày: 20/6/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước

2. Ông Cao Quốc Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2022/TLST- KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2022 về Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1173/2023 ngày 08/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2663/2023 ngày 29/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Xây dựng TK

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, Phường Đ, Thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị M theo Giấy ủy quyền số 29/UQLTT/2022 ngày 13/9/2022. Địa chỉ: Đường Đ, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X

Địa chỉ: Đường S, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Huỳnh HG

Địa chỉ: Phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Xây dựng TK có bà Nguyễn Thị M là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Xây dựng TK (sau đây gọi là Công ty TK) và Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X (sau đây gọi là Công ty X) đã ký kết Hợp đồng gia công số 22072020/HĐ/HG-TK ngày 30/07/2020 về việc gia công ống duct, gia công lắp đặt silo. Căn cứ Điều 4 Hợp đồng gia công số 22072020/HĐ/HG-TK ngày 30/07/2020, Công ty X thanh toán 95% giá trị hợp đồng cho Công ty TK khi Công ty X giao hàng và cung cấp các tài liệu theo điều 4.1 của Hợp đồng. Thanh toán 5% giá trị còn lại của hợp đồng khi Bên B phát hành bảo lãnh, bảo hành với thời hạn là 12 tháng kể từ khi bên B bàn giao chuyến hàng cuối cùng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TK gia công ống duct, gia công lắp đặt silo, giao hàng theo đúng quy định hợp đồng và lập hồ sơ thanh toán giữa Công ty TK với Công ty X như sau:

Đợt 1: Ngày 26/09/2020 với giá trị thanh toán 490.747.950 đồng

Đợt 2: Ngày 26/10/2020 với giá trị thanh toán 652.482.325 đồng

Đợt 3: Ngày 26/11/2020 với giá trị thanh toán 1.575.116.587 đồng

Đợt 4: Ngày 26/12/2020 với giá trị thanh toán 2.005.565.134 đồng

Đợt 5: Ngày 01/07/2021 với giá trị thanh toán 1.095.174.363 đồng

Tổng cộng là 5.819.086.359 đồng

Như vậy, Công ty X phải thanh toán cho Công ty TK số tiền là: 5.819.086.359 đồng (Năm tỷ, tám trăm mười chín triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm năm mươi chín đồng).

Công ty X đã thanh toán cho Công ty TK số tiền như sau:

Ngày 06/11/2020, thanh toán số tiền 466.210.552

Ngày 08/12/2020, thanh toán số tiền 619.858.209

Ngày 31/12/2020, thanh toán số tiền 1.496.360.758

Ngày 08/02/2021, thanh toán số tiền 1.000.000.000

Ngày 17/05/2022, thanh toán số tiền 380.232.000

Tổng cộng số tiền Công ty X đã thanh toán cho Công ty TK là 3.962.661.519 đồng (Ba tỷ, chín trăm sáu mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi mốt nghìn, năm trăm mười chín đồng).

Số tiền nợ gốc Công ty X còn phải thanh toán cho Công ty TK phát sinh từ Hợp đồng gia công số 22072020/HĐ/HG-TK ngày 30/07/2020 số tiền là: 5.819.086.359 đồng - 3.962.661.519 đồng = 1.856.424.840 đồng (Một tỷ, tám trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, tám trăm bốn mươi đồng).

Công ty TK khởi kiện yêu cầu Công ty X có nghĩa vụ:

- Thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc phát sinh từ Hợp đồng gia công số 22072020/HĐ/HG-TK ngày 30/07/2020 tổng số tiền là 1.856.424.840 đồng (Một tỷ, tám trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, tám trăm bốn mươi đồng).

- Thanh toán toàn bộ tiền lãi chậm thanh toán của Hợp đồng gia công số 22072020/HĐ/HG-TK ngày 30/07/2020 đến ngày 03/3/2023 là 255.423.714 đồng.

Tổng cộng là 2.111.848.554 đồng.

Ngày 10/04/2023, Nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện vì sau khi kiểm tra lại tài liệu, chứng cứ Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Xây dựng TK đề nghị rút toàn bộ số tiền thanh toán của đợt 5 của Hợp đồng là 1.095.174.363 đồng cùng lãi phát sinh.

Nay yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X thanh toán tiền của đợt 1, đợt 2, đợt 3, đợt 4 là 761.250.477 đồng, cùng tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/7/2021 (sau ngày ký biên bản tổng hợp giá trị khối lượng) đến ngày xét xử sơ thẩm 20/6/2023 là 181.648.803 đồng. Tổng cộng là 942.899.280 đồng.

Bị đơn - Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật nhưng còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nên cần rút kinh nghiệm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đòi tiền thanh toán đợt 5 số tiền 1.095.174.363 đồng cùng lãi phát sinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn - Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Xây dựng TK tranh chấp yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X, địa chỉ trụ sở chính: Đường S, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh thanh toán số tiền hàng hóa theo Hợp đồng gia công số 22072020/HĐ/HG-TK ngày 30/07/2020. Đây là tranh chấp giữa phát sinh giữa các pháp nhân và nhằm mục đích sinh lợi nên là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do tại thời điểm Tòa án thụ lý, bị đơn có trụ sở tại Thành phố Thủ Đức nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X, Mã số doanh nghiệp 0303542386 đăng ký lần đầu: ngày 01/11/2004; Đăng ký thay đổi lần thứ 16, ngày 02/04/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X, địa chỉ trụ sở chính: Đường S, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm Văn phòng Thừa phát lại thực hiện giao Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập đương sự, ghi nhận Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X không treo biển hoạt động, không có nhân viên làm việc. Ngày 08/03/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức có Phiếu yêu cầu xác minh số 1006, xác minh Công an phường A, Thành phố T về hoạt động công ty, kết quả như sau: Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X không treo biển hiệu, không có văn phòng làm việc và nhân viên tại địa chỉ Đường S, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23/03/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức có Phiếu yêu cầu xác minh số 1340, xác minh Công an phường A, Thành phố T về thông tin người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X là bà Trần Huỳnh HG, địa chỉ thường trú: Phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo địa chỉ thường trú trên Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp). Kết quả xác minh thể hiện: Đ/s Trần Huỳnh HG có đăng ký HK thường trú tại

Phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện không thực tế cư trú, đi đâu, làm gì không rõ.

Do không thể tống đạt trực tiếp được nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tiến hành niêm yết công khai tại trụ sở Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X và tại địa chỉ nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật là bà Trần Huỳnh HG theo quy định tại khoản 1 Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cụ thể như sau:

- Ngày 29/11/2022 niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 197/TBTL ngày 14/10/2022 và Giấy triệu tập đối với đại diện theo pháp luật để trình bày bản tự khai vào lúc 09 giờ ngày 20/12/2022;

- Ngày 16/2/2023 niêm yết Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 03/3/2023;

- Ngày 12/5/2023 niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1173/2023 ngày 08/5/2023, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 29/05/2023;

- Ngày 01/6/2023 niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 2663/2023 ngày 29/5/2023 và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 20/6/2023;

Tất cả các lần được triệu tập nêu trên, bị đơn Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X tiếp tục vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X.

Trong tất cả các lần Tòa triệu tập, bà Trần Huỳnh HG - người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X đều vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Xây dựng TK có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung tranh chấp

[3.1] Nguyên đơn Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Xây dựng TK khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X thanh toán số tiền còn lại của đợt 1, đợt 2, đợt 3, đợt 4 là 761.250.477 đồng, cùng tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 06/4/2023 là 177.973.062 đồng. Việc thanh toán được thực hiện một lần ngay khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy:

Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Xây dựng TK hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp: 4600348999. Đăng ký lần đầu ngày 08/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 18/4/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Thái Nguyên cấp.

Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên, Mã số doanh nghiệp 0303542386 đăng ký lần đầu: ngày 01/11/2004; Đăng ký thay đổi lần thứ 16, ngày 02/04/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 30/7/2020, giữa Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Xây dựng TK và Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X ký kết Hợp đồng gia công số 22072020/HĐ/HG-TK về việc việc gia công ống duct, gia công lắp đặt silo. Như vậy, hợp đồng được ký là phù hợp với chức năng ngành nghề đăng ký kinh doanh của cả hai bên, nội dung thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật nên là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Căn cứ vào các Phiếu xuất kho và biên bản kiểm kê hàng, Biên bản nghiệm thu khối lượng bàn giao, Biên bản tổng hợp giá trị khối lượng thanh toán các đợt 1 ngày 25/9/2020, đợt 2 ngày 25/10/2020, đợt 3 ngày 25/11/2020, đợt 4 ngày 26/12/2020, thể hiện:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TK gia công ống duct, gia công lắp đặt silo, giao hàng theo đúng quy định hợp đồng và lập hồ sơ thanh toán giữa Công ty TK với Công ty X như sau:

Đợt 1: Ngày 26/09/2020 với giá trị thanh toán 490.747.950 đồng

Đợt 2: Ngày 26/10/2020 với giá trị thanh toán 652.482.325 đồng

Đợt 3: Ngày 26/11/2020 với giá trị thanh toán 1.575.116.587 đồng

Đợt 4: Ngày 26/12/2020 với giá trị thanh toán 2.005.565.134 đồng

Như vậy, Công ty X phải thanh toán cho Công ty TK số tiền là: 4.723.911.966 đồng.

Công ty X đã thanh toán cho Công ty TK số tiền như sau:

Ngày 06/11/2020, thanh toán số tiền 466.210.552 đồng

Ngày 08/12/2020, thanh toán số tiền 619.858.209 đồng

Ngày 31/12/2020, thanh toán số tiền 1.496.360.758 đồng

Ngày 08/02/2021, thanh toán số tiền 1.000.000.000 đồng

Ngày 17/05/2022, thanh toán số tiền 380.232.000 đồng

Tổng cộng là: 3.962.659.519 đồng.

Tổng cộng số tiền Công ty X đã thanh toán cho Công ty TK là 3.962.661.519 đồng (Ba tỷ, chín trăm sáu mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi mốt nghìn, năm trăm mười chín đồng), còn nợ lại 761.250.477 đồng (bao gồm 95% tiền hàng là 525.054.877 đồng và 5% giá trị bảo hành là 236.195.600 đồng).

Theo Điều 4 Hợp đồng gia công số 22072020/HĐ/HG-TK ngày 30/07/2020, Công ty X thanh toán 95% giá trị hợp đồng cho Công ty TK khi Công ty TK giao hàng và cung cấp các tài liệu theo Điều 4.1 của Hợp đồng. Thanh toán 5% giá trị còn lại của hợp đồng khi Bên B phát hành bảo lãnh, bảo hành với thời hạn là 12 tháng kể từ khi bên B bàn giao chuyến hàng cuối cùng. Theo Phiếu giao hàng kiêm xuất kho ngày 24/02/2021 thì Công ty TK đã bàn giao chuyến hàng cuối cùng cho Công ty X nhưng cho đến nay Công ty X vẫn chưa thanh toán số tiền hàng còn nợ là 761.250.477 đồng (đã bao gồm 5% giá trị bảo hành) cho Công ty TK là vi phạm thỏa thuận của các bên trong hợp đồng.

Để đánh giá chứng cứ được khách quan và đầy đủ, ngày 29/7/2022 Tòa đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải cho các bên đương sự, tuy nhiên Công ty X không có văn bản phản đối nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện không thuộc trường hợp phải chứng minh. Công ty X phải chịu trách nhiệm về yêu cầu khởi kiện và những tài liệu, chứng cứ mà Công ty Công ty TK đưa ra.

Do đó, căn cứ Điều 50, Điều 55, Luật Thương mại 2005 thì yêu cầu của Công ty TK về việc buộc Công ty X phải thanh toán số tiền hàng còn nợ 761.250.477 đồng là có cơ sở nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện buộc Công ty HGENC thanh toán tiền đợt 5 của Hợp đồng là 1.095.174.363 đồng cùng lãi phát sinh, Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Xây dựng TK có đơn rút yêu cầu này, việc rút yêu cầu của Công ty TK là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về thời điểm tính lãi:

+ Đối với tiền hàng còn nợ 525.054.877 đồng (95% giá trị hợp đồng):

Theo Điều 4.1 của Hợp đồng, Công ty X phải thanh toán 95% giá trị hợp đồng cho Công ty TK trong vòng 30 ngày sau khi Công ty TK giao hàng và cung cấp các chứng từ theo quy định.

Hồ sơ thanh toán đợt 4 do Công ty TK lập tháng 12/2020 nên nay Công ty TK yêu cầu tính lãi chậm trả của số tiền 95% giá trị hợp đồng (525.054.877 đồng) từ ngày 01/7/2021 là có lợi cho phía bị đơn nên chấp nhận.

+ Đối với số tiền 236.195.600 đồng 5% giá trị bảo hành (giá trị còn lại của hợp đồng):

Thời hạn bảo hành theo hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày Công ty TK bàn giao chuyến hàng cuối cùng cho Công ty X là ngày 24/02/2021. Ngày 24/02/2022 là thời hạn mà Công ty X phải thanh toán 5% giá trị bảo hành nên Công ty TK yêu cầu được tính lãi từ 24/02/2022 là phù hợp.

[3.3] Về lãi suất: Công ty TK yêu cầu được tính lãi theo mức lãi suất 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước (9%) với số tiền như sau:

- Số tiền 525.054.877 đồng x 13,5% x 238 ngày = 46.219.214 đồng;

- Số tiền 761.250.477 đồng x 13,5% x 481 ngày = 135.429.588 đồng;

Tổng cộng: 181.648.803 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại 2005, Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019. Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức xác minh tại thời điểm xét xử, lãi suất cho vay trung bình trên thị trường do 3 ngân hàng lớn bao gồm Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam: lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (9%), Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam: lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (8,6%), và Ngân hàng TMCP Quân Đội: lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (9,43%). Như vậy lãi suất nợ quá hạn trung bình của của 3 ngân hàng là 150% x 9,06%. Do đó, yêu cầu của Nguyên đơn yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quá hạn 13,5% là phù hợp nên chấp nhận.

Đối với cách tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó buộc Công ty X có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Xây dựng TK số tiền lãi suất chậm trả, tổng cộng: 181.648.803 đồng.

Như vậy, Công ty X có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Xây dựng TK số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 761.250.477 đồng và tiền lãi suất chậm thanh toán là 181.648.803 đồng. Tổng cộng là 942.899.280 đồng.

[4] Về án phí:

Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Xây dựng TK không phải chịu án phí vì yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Ghi nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng: Xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục thông báo các văn bản tố tụng giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và về việc rút kinh nghiệm do vụ án vi

phạm thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 , khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 50, Điều 85, Điều 306 Luật Thương mại;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Xây dựng TK:

1.1. Buộc Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Xây dựng TK số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 761.250.477 đồng và tiền lãi suất chậm thanh toán toán là 181.648.803 đồng. Tổng cộng là 942.899.280 đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Xây dựng TK có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nêu trên thì hàng tháng Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2 Đình chỉ yêu cầu khởi kiện buộc Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X phải thanh toán đợt 5 của Hợp đồng là 1.095.174.363 đồng cùng lãi phát sinh của nguyên đơn Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Xây dựng TK.

2. Về án phí:

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên bị đơn phải chịu án phí. Công ty Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 40.286.978 đồng (Bốn mươi triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn

chín trăm bảy mươi tám đồng). Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X chưa đóng án phí.

Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Xây dựng TK không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Xây dựng TK số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.105.440 đồng đồng theo biên lai thu số AA/2022/0006134 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Xây dựng TK, Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật X, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức ;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Nga